



SỐ 351

KỶ 1 - THÁNG 4 - 2026

TẠP CHÍ

ISSN 1859 - 0810

Thiết bị Giáo dục

CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘI THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

KỶ 1 - THÁNG 4 - 2026

TẠP CHÍ Thiết bị Giáo dục



SỐ 351



JOURNAL OF EDUCATIONAL EQUIPMENT
WWW.TAPCHITHIETBIGIAODUC.VN

Phó Tổng biên tập phụ trách

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

Mr. DANNY GAUCH - HH TBGD THẾ GIỚI

ThS. NHỮ NGỌC MINH - CTHH - CTHĐBT

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA

PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. PHẠM VĂN THUẬN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

PGS. TS. LÊ HIẾU HỌC

PGS. TS. BÙI VĂN HÙNG

TS. BÙI ĐỨC TỬ

TS. THÁI VĂN LONG

Tòa soạn

P 47, nhà A1, số 68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng,

TP. Hà Nội

Tel/zalo: 0988775566

Email: tapchitbgd@gmail.com

Website: <https://tapchithietbigiaoduc.vn>

Tài khoản: 0101613475555

Ngân hàng TMCP Quân đội,

chi nhánh Thăng Long Hà Nội

Giấy phép xuất bản:

Số 21/GP-BVHTTDL Ngày 21/04/2025

của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch

Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương mại

và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng)

MỤC LỤC

- ♦ **Vũ Thị Khuyên:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong thiết kế sách lật điện tử (Flipbook) cho trẻ nhà trẻ. 1
- ♦ **Nguyễn Thị Triều Tiên, Nguyễn Thị Thúy My:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong bồi dưỡng năng lực thiết kế đồ dùng, đồ chơi hỗ trợ trẻ 24–36 tháng phối hợp các giác quan cho giáo viên ngành Giáo dục Mầm non. 5
- ♦ **Huỳnh Hữu Trí:** Ứng dụng phần mềm mô phỏng MTS-CNC trong việc nâng cao hiệu quả đào tạo lập trình và gia công CNC tại Trường Cao đẳng Nghề An Giang. 9
- ♦ **Nguyễn Hoàng Tùng:** Ứng dụng công nghệ AI trong chấm điểm bài tập và đồ án học phần cho sinh viên tại khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học An Giang. 13
- ♦ **Nguyễn Thị Triều Tiên, Đỗ Ngọc Bảo Quyên, Tống Thị Tường Linh, Trần Thị Thúy Nga, Lê Thị Phương Thảo, Nguyễn Trường An An:** Ứng dụng video AI giáo dục nhằm phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. 17
- ♦ **Nguyễn Phước Tín:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy ngành Điện, Điện tử theo định hướng phát triển năng lực thực tiễn. 20
- ♦ **Nguyễn Quang Minh:** Ứng dụng AI trong giảng dạy ngành Công nghệ cơ khí: Mô hình tích hợp và định hướng phát triển năng lực số. 23
- ♦ **Dương Thanh Dũ:** Ứng dụng AI trong giảng dạy bài tập thực hành điện, điện tử cho sinh viên đại học. 27
- ♦ **Nguyễn Thị Triều Tiên, Nguyễn Thị Mỹ Lệ, Nguyễn Thị Thuý My, Nguyễn Thị Trà My, Võ Thị Mỹ Tài, Đinh Thị Hải Yến:** Quy trình thiết kế đồ dùng, đồ chơi giúp trẻ 24 – 36 tháng phối hợp các giác quan. 30
- ♦ **Trần Quốc Hiếu:** Phát triển năng lực đọc hiểu đặc trưng truyện cổ tích lớp 6 qua nền tảng tương tác NEARPOD. 34
- ♦ **Đặng Hữu Toàn:** Quick Translator: Phần mềm hỗ trợ dịch thuật Trung – Việt. 39
- ♦ **Tống Thị Lan, Tống Thị Huyền, Trần Thu Hà:** Thiết kế hệ thống giám sát và điều khiển nhiệt độ, độ ẩm và cảnh báo cháy, tự động dập tắt đám cháy trong kho sản xuất. 42
- ♦ **Vũ Quang Hòa, Nguyễn Thị Tâm, Phạm Thị Thảo, Nguyễn Thị Việt Hương:** Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển tưới tự động cho một số loại cây trồng tại tỉnh Hưng Yên. 45
- ♦ **Lê Văn Thoại, Phạm Tào:** Mô phỏng hệ thống động lực xe điện Vinfast VF 8 bằng phần mềm Matlab simulink và Simscape. 48
- ♦ **Nguyễn Minh Tâm:** Vai trò của AI Mentor trong phát triển năng lực tự học môn Giáo dục chính trị cho sinh viên Trường Cao đẳng Lạng Sơn. 53
- ♦ **Vũ Thị Bích Phương, Đào Chí Mãi, Phạm Thị Quỳnh Như, Phạm Trần Anh Vũ, Lê Thị Mỹ Phúc:** Nghiên cứu tác động của quảng cáo bằng video ngắn dựa trên AI đến hành vi mua sắm sản phẩm thời trang của sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh. 56
- ♦ **Phạm Hải Đăng:** Đổi mới Học phần Tin học đại cương theo tiếp cận Chuẩn đầu ra nhằm phát triển năng lực số cho sinh viên. 60
- ♦ **Nguyễn Hồ Phương Nhật, Diệp Hồng Như, Đỗ Thị Tin, Nguyễn Thị Quỳnh Trâm:** Nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng HR Tech cho sinh viên ngành Quản trị nhân lực tại APAG - phân hiệu Đà Nẵng. 63
- ♦ **Nguyễn Thị Mai:** Thái độ và hứng thú của sinh viên đối với ứng dụng trò chơi học tập trong phần tổng kết bài thuyết trình tiếng Anh chuyên ngành do nhóm thuyết trình thiết kế. 67
- ♦ **Nguyễn Trung Ngọc:** Ứng dụng công nghệ số trong đổi mới phương pháp giảng dạy Học phần Kỹ thuật nhiếp ảnh cho sinh viên ngành Truyền thông - Trường Đại học Thủ Dầu Một. 71
- ♦ **Nguyễn Kiều Linh, Vũ Đăng Cang:** Sử dụng AI trong giảng dạy Học phần Thực vật học cho sinh viên ngành Đại học Sư phạm Khoa học Tự nhiên. 74
- ♦ **Ngô Tuấn Hùng, Đỗ Hải Nam:** Vai trò của các công cụ thiết bị giáo dục hiện đại trong thúc đẩy khởi nghiệp số cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương. 77

♦ Nguyễn Thành Diễn: Vai trò của nền tảng học tập trực tuyến trong phát triển năng lực tự học cho học sinh trường phổ thông tư thực.	80
♦ Nguyễn Phong Thu: Những ứng dụng AI phổ biến trong thời đại kinh tế số.	83
♦ Trương Công Vĩnh Khanh, Huỳnh Thị Khả Nin, Nguyễn Phạm Hồng Tâm: Vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho học sinh tiểu học theo hướng tiếp cận năng lực người học.	86
♦ Nguyễn Ngọc Mưu, Nguyễn Thị Hằng Nga, Phạm Thị Thanh Hiền, Vũ Hạnh Nguyên: Phát triển năng lực dạy học STEM cho sinh viên sư phạm gắn kết với định hướng nghề nghiệp cho học sinh đáp ứng nhu cầu nguồn lao động tương lai	90
♦ Nguyễn Thị Hải: Khó khăn của sinh viên trong Học phần Tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang.	94
♦ Cao Thị Sóng Hương, Lê Nhật Tiến, Phan Nguyễn Xuân Mai, Ngô Thanh Ân: Xây dựng và sử dụng thí nghiệm tự tạo dạy học nội dung “Mô tả sống âm” môn Khoa học tự nhiên lớp 7.	97
♦ Võ Thị Phượng, Phạm Thị Thanh Mai, Nguyễn Kim Búp: Tiếp cận hệ thống trong thiết kế chương trình môn Sinh học cấp trung học phổ thông.	100
♦ Cần Thị Bích Phượng: Xây dựng bài tập vận dụng trong dạy học nội dung <i>từ và câu</i> cho học sinh lớp 4 theo phát triển năng lực.	103
♦ Phạm Nguyễn Ngọc Thảo: Dạy học đọc mở rộng theo thể loại Thơ Luật đường (Ngũ vãn 8, bộ sách Chân trời sáng tạo): Đề xuất bài thơ “Lâm xuyên di trú” của Trần Thiện Chánh.	106
♦ Nguyễn Như Ý: Bồi dưỡng kĩ năng sáng tạo đề toán lớp 5 có nội dung thực tiễn cho giáo viên tiểu học.	110
♦ Dương Huyền Nhung, Lê Thanh Tường: Nâng cao năng lực sử dụng phần mềm trong dạy học Toán tại các trường cao đẳng đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.	114
♦ Tô Thị Ngân: Phát triển năng lực quan sát cho học sinh lớp 2 thông qua dạy học STEM Chủ đề Môi trường sống của động vật.	117
♦ Nguyễn Huyền Ngọc, La Văn Dũng, Đỗ Thị Thúy Hòa: Kinh nghiệm giảng dạy môn Toán cho học sinh hệ 9+ trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	121
♦ Tạ Thị Kim Tuyền: Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực khoa học tự nhiên qua dạy học phần trường từ (Vật lý 12) ở trường trung học phổ thông.	124
♦ Lưu Thủy Chung: Các mô hình giáo dục STEM toàn cầu: Phân tích so sánh về khung chương trình, triển khai và ý nghĩa chiến lược.	128
♦ Phạm Thị Hoài Thu: Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non thông qua hoạt động tạo hình.	131
♦ Nguyễn Thị Thúy: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học làm quen toán học cho trẻ mẫu giáo lớn.	134
♦ Nguyễn Hải Hoàn: Rèn kĩ năng viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc cho học sinh lớp 5 theo hướng trải nghiệm và sáng tạo.	137
♦ Phạm Thị Thanh Mai, Võ Thị Phượng, Nguyễn Kim Búp: Thiết kế hệ thống câu hỏi đánh giá năng lực trong dạy học học phần phân loại thực vật.	140
♦ Nguyễn Thị Hằng Nga, Nguyễn Ngọc Mưu, Nguyễn Bích Hảo, Lương Việt Thái: Xây dựng và sử dụng bài tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh trong dạy học chủ đề thực vật và động vật môn Tự nhiên và xã hội lớp 3	143
♦ Đỗ Thị Mai Hương: Xây dựng quy trình dạy viết kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học cho học sinh lớp 7.	147
♦ Ngô Thị Bích Hằng: Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh tiểu học thông qua dạy học môn Tiếng Việt theo hướng trải nghiệm sáng tạo.	150
♦ Lê Văn Khanh: Giảng dạy Học phần Phương pháp thể hiện bài hát cho sinh viên ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Huế.	153
♦ Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Giàng Thị Mai: Tác động của môi trường số đến việc phát triển năng lực công dân số và kỹ năng tiếng Anh học thuật của sinh viên đại học ở Việt Nam.	156
♦ Phí Thị Lan Anh, Hòa Thanh Bình: Tích hợp bài hát tiếng Anh vào giảng dạy kỹ năng nghe cho sinh viên không chuyên ngữ Trường Đại học Thái Bình: Từ lý luận đến thực tiễn áp dụng.	160
♦ Nguyễn Văn Hải Đăng, Phạm Hoài Anh, Lê Thị Đoàn Trang, Nguyễn Trần Thực Anh, Trần Đan Tâm, Hoàng Nguyễn Phương Uyên: Tích hợp kỹ năng Pitching vào Chương trình Đào tạo ngoại ngữ: Giải pháp nâng cao năng lực sư phạm.	164
♦ Hòa Thanh Bình, Phí Thị Lan Anh: Áp dụng trò chơi ngôn ngữ để nâng cao động lực và tăng hứng thú học tiếng Anh cho sinh viên.	168
♦ Nguyễn Thùy Dương: So sánh cấu trúc diễn ngôn của thư xin thôi việc tiếng Anh và tiếng Việt.	171
♦ Nguyễn Khả Thanh Tùng: Nâng cao hiệu quả học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên chuyên ngành An ninh mạng năm thứ 3 tại Học viện An ninh Nhân dân.	174
♦ Trần Kiều Anh, Nguyễn Thị Loan: Ảnh hưởng của các hoạt động giao tiếp tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp đến động lực học của sinh viên.	177
♦ Ngô Thị Hồng Hạnh: Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả học kỹ năng nói tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp của học viên Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy	180
♦ Nguyễn Thị Mai Lan: Đề xuất lộ trình đào tạo tiếng anh chuẩn CEFR A1–B2 cho sinh viên kỹ thuật tại HUCE	183
Nguyễn Lê Nguyên, Phạm Thị Thảo Nguyên, Nguyễn Nữ Thùy Uyên: An examination into students’ perceptions towards the effectiveness of a self-developed website - Speakee on developing English communication skills for non-English major students at The University of Da Nang	186

♦ Phan Thị Minh Uyên: Feminist perspectives in Duong Thu Huong's "The story of an actress" in the current circumstances of Vietnamese society.	190
♦ Đỗ Thị Ngọc Nhi: The impact of ai on writing instruction.	194
♦ Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thương Huyền: Factors influencing the use of artificial intelligence (AI) tools in English language learning of tuaf students.	197
♦ Hồ Đăng Quỳnh Trâm, Nguyễn Nữ Thùy: An examination into the students' perceptions towards the impact of Chat GPT on their willingness to communicate and speaking anxiety	200
♦ Đỗ Thị Thu Giang, Lương Vũ Thảo Hương, Đỗ Kiều Trang, Dương Phương Linh, Đinh Thị Khánh Ly: Khả năng đáp ứng thị trường lao động của sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp Trường Đại học Ngoại thương.	204
♦ Trần Hương Lan, Hoàng Thị Hồng Vân: Dạy ngữ pháp tiếng Pháp cho người mới bắt đầu theo đường hướng giao tiếp.	208
♦ Dương Quốc Cường, Trần Thị Diệu Thảo: Phát triển chương trình đào tạo tiếng Nga du lịch gắn với hợp tác doanh nghiệp tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.	211
♦ Lê Phương Thủy: Vấn đề hình thành từ bảng phương thức "Phái sinh" trong tiếng Hàn.	214
♦ Lò Minh Thảo: Nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học – góc nhìn từ sinh viên không chuyên	217
♦ Nguyễn Thị Lê: Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số	220
♦ Nguyễn Thị Quý: Đổi mới học tập lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.	223
♦ Nguyễn Thị Thức, Lê Thị Vân Liêm: Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trực tuyến cho sinh viên các trường đại học hiện nay.	226
♦ Nguyễn Văn Thúc: Biện pháp đồng bộ hóa dạy học kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK cho sinh viên Trường Đại học An Giang hiện nay.	229
♦ Nguyễn Công Nghị: Giáo dục năng lực nhận diện và phản biện thông tin sai lệch Về mô hình phát triển xã hội ở việt nam trong bối cảnh hiện nay	232
♦ Nguyễn Thế Tuấn: Giải pháp phát huy vai trò của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong giáo dục ở Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh, Đại học Quốc gia Hà Nội trong tình hình mới.	235
♦ Cần Xuân Quyết: Biện pháp và thực nghiệm biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên đào tạo phi công quân sự ở Trường Sĩ quan Không quân hiện nay.	238
♦ Hồ Đức Hiệp, Vũ Văn Phong, Vỹ Thị Thu Sinh, Phạm Ngọc Tú: Nâng cao ý thức pháp luật và phát huy vai trò xung kích của sinh viên trong tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	241
♦ Trương Thị Thùy Nga: Đổi mới giáo dục quân sự theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW.	245
♦ Nguyễn Thị Huyền: Nâng cao hiệu quả tự chủ môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh cho các trường đại học vùng Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay.	248
♦ Nguyễn Tất Hùng: Nâng cao khả năng nhận diện và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng cho sinh viên hiện nay.	251
♦ Nguyễn Thị Ly: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác khoa học quân sự ở Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự hiện nay.	254
♦ Nguyễn Chí Cường: Ứng dụng một số bài tập phát triển thể lực cho nữ sinh viên học môn Bóng đá Trường Đại học Khoa học sức khỏe, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.	257
♦ Nguyễn Thị Hới: Lựa chọn và đề xuất giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn Karate-do cho học sinh Câu lạc bộ Trường Trung học phổ thông Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.	260
♦ Phạm Hiền Chương: Nghiên cứu sự phát triển thể lực và kỹ thuật của Đội tuyển Bóng chuyền nữ Trường Đại học Đồng Tháp sau 01 năm tập luyện.	263
♦ Hoàng Thùy Linh, Bùi Thị Nhã Phương, Hoàng Thị Tâm: Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thành tích bơi ếch cự ly 50m cho nam học viên lứa tuổi 15 - 16 Câu lạc bộ Bơi Thanh niên, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.	266
♦ Hoàng Văn Đại, Đinh Quang Hùng: Phát triển năng lực đào tạo ngành Công nghệ Ô tô điện tại Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An theo mô hình bốn trụ cột.	269
♦ Nguyễn Văn Hạnh, Hồ Thị Thanh Thảo: Giải pháp xây dựng đội ngũ nhân lực theo mô hình "Tinh – Gọn – Hiệu quả" tại Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.	273
♦ Võ Nhật Tiến: Phương pháp dạy học tích cực đối với giáo dục đại học.	277
♦ Trương Huy Tường: Thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Trường Đại học Hùng Vương thành phố Hồ Chí Minh.	281
♦ Nguyễn Thị Hồng Nhung: Nâng cao năng lực định hướng đọc trong môi trường số: Yếu tố cốt lõi của kỹ năng thông tin cho sinh viên.	285
♦ Hồ Tấn Đạt: Truyền thông xã hội và phát triển bền vững: Hành vi sức khỏe – cuộc sống tốt của sinh viên Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.	289
♦ Mai Thị Kim Thoa, Cái Thị Lê Nương: Kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp.	293
♦ Trần Thị Diệu Thúy, Trần Tài Nguyên: Phát huy vai trò của nhà văn hóa khu phố trong việc xây dựng xã hội học tập suốt đời: Thực tiễn tại phường Bảy Hiền, thành phố Hồ Chí Minh.	296

♦ Phạm Thị Hồng Quyên: Sử dụng bảng thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong xác định giá trị tài liệu tại các cơ quan, tổ chức thuộc ngành giáo dục.	299
♦ Nguyễn Thị Tuấn Anh: Thực trạng năng lực đánh giá kết quả động viên học sinh của giáo viên tiểu học vùng Đông Nam bộ.	303
♦ Nguyễn Thị Tươi: Thực trạng và giải pháp hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp của sinh viên sư phạm mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang.	306
♦ Nguyễn Xuân Dũng: Giáo dục giá trị cốt lõi cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.	309
♦ Đậu Thị Lê Hiếu, Phạm Hoài Anh, Nguyễn Thị Hiền: Học tập tích hợp công việc ở bậc giáo dục đại học trên thế giới: Thành tựu, thách thức và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.	313
♦ Phạm Thị Tuấn, Đỗ Hải Yến: Phát triển năng lực tự chủ của người học thông qua đọc mở rộng: Nghiên cứu thực tiễn và quan điểm của sinh viên.	317
♦ Phan Thị Thanh Thúy, Lưu Mỹ Ngọc, Nguyễn Thị Kim Hảo: Lợi ích của phương pháp Team based learning với sinh viên kế toán.	321
♦ Lê Đăng Giáp, Nguyễn Công Viên: Phát triển kinh tế thể thao ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế	324
♦ Đặng Thị Thanh Bình: Ứng dụng excel trong đánh giá rủi ro việc hạch toán chi phí phát sinh trong kỳ nhằm nâng cao hiệu quả công tác thanh, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp	327
♦ Văn Nam Thắng: Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi.	330
♦ Nguyễn Thị Thanh Hải, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Phương Anh, Đặng Thanh Nga, Mai Hà Anh, Đỗ Huy Hoàng: Phát huy ý thức kỷ luật trong học tập của sinh viên Trường Đại học Giao thông Vận tải.	333
♦ Nguyễn Thu Hương: Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục tiểu học Trường Đại học An Giang học xây dựng dự án học tập theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.	337
♦ Vương Vĩnh Phát: Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 12 thông qua dạy học cộng tác.	341
♦ Đồng Khải Hoàn, Bùi Thị Quỳnh Mai, Văn Thị Minh Huyền, Nguyễn Ngọc Hà, Phạm Linh Giang: Chuyển đổi số và hiệu quả hoạt động kinh doanh bền vững tại Việt Nam: Vai trò trung gian của đổi mới mô hình kinh doanh dẫn dắt thị trường.	344
♦ Nguyễn Thị Thùy Anh: Quản trị trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học: Nghiên cứu tổng quan kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.	347
♦ Đỗ Duy Khanh, Đỗ Minh Chiến, Nguyễn Thanh Tuấn, Hoàng Minh Thuận: Phát huy vai trò của đoàn thanh niên trong hỗ trợ đào tạo và phát triển năng lực người học - kinh nghiệm từ Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng.	350
♦ Trần Lê Hà: Đánh giá hiệu quả của thuật toán Random Forest trong bài toán dự đoán kết quả học tập sinh viên.	353
♦ Bùi Tiến Dũng: Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn và tiếp tục sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMES).	356
♦ Nguyễn Đình Đại Dương: Nghiên cứu thái độ và hành vi của học viên khi tham gia bồi dưỡng thường xuyên với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI).	360
♦ Vũ Thị Sinh: Thực nghiệm một số hoạt động dạy học tích cực trong giảng dạy kỹ năng nói cho sinh viên năm nhất ngành quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Điện lực.	363
♦ Bùi Thị Hiền: Phát huy vai trò tích cực, tự giác của sinh viên trong tự quản lý hoạt động học tập: nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung.	366
♦ Nguyễn Nhân Huyền: Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu” - yêu cầu mới trong bối cảnh hiện nay.	369
♦ Phạm Văn Dương, Nguyễn Duy Phúc: Tiềm lực quốc phòng Việt Nam trong kỷ nguyên mới - nội lực tự cường và trụ cột bảo vệ tổ quốc.	372
♦ Trần Thị Huế: Mô hình học tập thích ứng dựa trên phân tích dữ liệu học tập nhằm tối ưu hóa lộ trình học cá nhân trong môi trường học trực tuyến.	372
♦ Lê Thảo My, Phùng Thị Khánh Linh: Nâng cao hiệu quả tự học cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương thông qua giảng dạy kết hợp học liệu điện tử trong bối cảnh chuyển đổi số.	375
♦ Nguyễn Lê Hương, Lê Thanh Hoa: Dạy học trải nghiệm các quy luật xác suất theo định hướng tiếp cận thực tiễn kỹ thuật cho sinh viên kỹ thuật.	378
♦ Lưu Thị Hằng, Bùi Ngọc Mai, Nguyễn Hoài Tư: Nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Hải Phòng	381
♦ Trần Văn Nam, Hà Hồng Thu: Phát triển năng lực tự quản của sinh viên từ kỷ luật đến tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện môn Giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay.	384
♦ Vũ Thanh Hải, Vũ Quang Hòa, Nguyễn Thị Nga, Đào Thị Mơ: Định hướng mô hình và giải pháp hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao tại Trường Đại học Thái Bình.	387
♦ Nguyễn Hữu Hợp, Bùi Đình Quý, Nguyễn Thanh Loan: Nguyễn Thị Thanh Hiền: Rào cản trong tương tác với GenAI tạo sinh của sinh viên năm thứ nhất: Nghiên cứu trường hợp tại Khoa Sư phạm Kỹ thuật và Khoa Công nghệ Hóa học & Môi trường	390
♦ Hoàng Xuân Lâm: Nghiên cứu giải pháp tiện ren có profin cong trên máy tiện CNC hệ điều khiển Fanuc	393
♦ Huỳnh Nguyễn Trung Hậu, Từ Minh Hòa, Đái Minh Hùng, Lê Phương Lâm, Nguyễn Trung Tuấn: Quản lý đổi mới phương pháp dạy học môn Khoa học tự nhiên theo tiếp cận STEM ở Trường THCS Trần Đại Nghĩa, phường Thuận An, Thành phố Hồ Chí Minh	397

VAI TRÒ CỦA AI MENTOR TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN

THE ROLE OF AI MENTOR IN DEVELOPING SELF-LEARNING COMPETENCIES IN POLITICAL EDUCATION FOR STUDENTS AT LANG SON COLLEGE

Nguyễn Minh Tâm

Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Received: 02/03/2026; Accepted: 24/03/2026; Published: 06/04/2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, năng lực tự học đã trở thành yêu cầu then chốt trong giáo dục đại học và dạy nghề. Đối với các môn học gây tranh cãi như Giáo dục Chính trị, việc phát triển năng lực này vẫn còn nhiều thách thức do tính chất trừu tượng của nội dung. Bài báo này phân tích vai trò của AI Mentor như một công cụ hỗ trợ học tập thông minh trong việc nâng cao năng lực tự học của sinh viên. Dựa trên cách tiếp cận lý thuyết và bối cảnh của trường Cao đẳng Lạng Sơn, nghiên cứu này nêu bật tiềm năng của AI Mentor trong việc cá nhân hóa việc học, cung cấp phản hồi tức thời và thúc đẩy tư duy phản biện. Bài báo cũng đề xuất các định hướng sư phạm để tích hợp hiệu quả AI Mentor vào thực tiễn giảng dạy.

Từ khóa: tự học; AI Mentor; Giáo dục Chính trị

Abstract: In the context of the Fourth Industrial Revolution and digital transformation, self-directed learning competence has become a key requirement in higher and vocational education. For theoretical subjects such as Political Education, its development remains challenging due to the abstract nature of the content. This paper analyzes the role of AI Mentor as an intelligent learning support tool in enhancing students' self-directed learning competence. Based on a theoretical approach and the context of Lang Son College, the study highlights the potential of AI Mentor in personalizing learning, providing immediate feedback, and fostering critical thinking. The paper also proposes pedagogical orientations for effectively integrating AI Mentor into teaching practices.

Keywords: self-directed learning; AI Mentor; Political Education

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với xu thế chuyển đổi số, phương thức dạy và học trong giáo dục nghề nghiệp đang chuyển mạnh từ mô hình truyền thụ tri thức sang mô hình lấy người học làm trung tâm, nhấn mạnh tính chủ động, cá thể hóa và học tập suốt đời. Trong xu thế đó, năng lực tự học được xác định là năng lực cốt lõi, có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng đào tạo và khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên. Đối với môn Giáo dục chính trị, nội dung học tập mang tính lý luận, trừu tượng và khái quát cao, đòi hỏi sinh viên có năng lực tư duy logic, phân tích và phản biện. Tuy nhiên, thực tiễn dạy học cho thấy nhiều sinh viên còn học tập thụ động, thiếu hứng thú, gặp khó khăn trong việc tự nghiên cứu tài liệu và chưa hình thành được phương pháp học tập phù hợp.

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là AI Mentor, đã mở ra những khả năng mới trong đổi mới phương pháp dạy học. Công cụ này góp phần cá nhân hóa quá trình học tập, cung cấp phản hồi kịp thời và hỗ trợ phát triển tư duy phản biện của người học. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích vai trò của AI Mentor trong phát triển năng lực tự học môn Giáo dục chính trị cho sinh viên Trường Cao đẳng Lạng

Sơn, đồng thời đề xuất một số định hướng vận dụng trong dạy học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về năng lực tự học trong môn Giáo dục chính trị

Năng lực tự học được hiểu là khả năng người học chủ động xác định mục tiêu học tập, xây dựng kế hoạch, lựa chọn phương pháp, tổ chức thực hiện, tự kiểm tra và điều chỉnh hoạt động học nhằm đạt được kết quả mong muốn. Đây là một năng lực tổng hợp, bao gồm các thành tố nhận thức, kỹ năng và thái độ học tập tích cực. Trong môn Giáo dục chính trị, năng lực tự học có những đặc thù riêng.

Trước hết, nội dung môn học mang tính lý luận cao, đòi hỏi người học không chỉ ghi nhớ mà phải hiểu bản chất vấn đề, nắm được hệ thống khái niệm và quy luật. Điều này yêu cầu sinh viên phải có khả năng tư duy trừu tượng và hệ thống.

Thứ hai, môn học yêu cầu người học phải biết liên hệ lý luận với thực tiễn. Các vấn đề chính trị – xã hội luôn gắn liền với đời sống, do đó sinh viên cần có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích các hiện tượng thực tiễn.

Thứ ba, năng lực phản biện đóng vai trò quan trọng. Trong bối cảnh thông tin đa chiều, sinh viên

cần có khả năng đánh giá, chọn lọc và phản biện thông tin một cách khoa học, tránh tiếp nhận thụ động.

Bên cạnh đó, trong thời đại số, năng lực tự học còn bao gồm khả năng khai thác và sử dụng công nghệ trong học tập. Sinh viên cần biết tìm kiếm, đánh giá và sử dụng nguồn học liệu trực tuyến một cách hiệu quả.

Năng lực tự học còn thể hiện ở khả năng tự phân tích và chọn lọc thông tin trong môi trường số. Trước sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội, sinh viên cần có kỹ năng đánh giá độ tin cậy của thông tin, biết tiếp cận vấn đề trên cơ sở khoa học và hình thành chính kiến cá nhân phù hợp. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm phát triển tư duy độc lập và nâng cao bản lĩnh của người học trong bối cảnh hiện nay.

Tuy nhiên, thực tiễn tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn cho thấy sinh viên vẫn còn một số hạn chế như: thiếu kỹ năng lập kế hoạch học tập, chưa biết cách khai thác tài liệu, ngại học các nội dung lý luận và phụ thuộc nhiều vào giảng viên. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp hỗ trợ hiệu quả nhằm phát triển năng lực tự học, trong đó AI Mentor là một hướng tiếp cận tiềm năng.

2.2. AI Mentor và khả năng hỗ trợ học tập môn Giáo dục chính trị

AI Mentor là hệ thống ứng dụng trí tuệ nhân tạo được thiết kế nhằm hỗ trợ người học như một cố vấn học tập cá nhân trong môi trường số. Khác với các công cụ tìm kiếm truyền thống, AI Mentor có khả năng xử lý ngữ cảnh, tương tác hai chiều và đưa ra phản hồi phù hợp với từng cá nhân.

Trong môn Giáo dục chính trị, AI Mentor có thể thực hiện nhiều chức năng quan trọng. Trước hết, hệ thống có thể giải thích các khái niệm lý luận phức tạp theo nhiều mức độ khác nhau, từ cơ bản đến nâng cao, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận kiến thức. Việc sử dụng ví dụ minh họa, sơ đồ hóa hoặc liên hệ thực tiễn giúp nội dung trở nên sinh động và dễ hiểu hơn.

Thứ hai, AI Mentor có thể đặt câu hỏi gợi mở nhằm kích thích tư duy phản biện. Thay vì chỉ cung cấp câu trả lời, hệ thống có thể hướng dẫn người học suy nghĩ sâu hơn về bản chất vấn đề thông qua các câu hỏi định hướng.

Thứ ba, AI Mentor hỗ trợ kiểm tra và đánh giá quá trình học tập thông qua việc tạo các bài kiểm tra nhanh, câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận. Điều này giúp sinh viên tự đánh giá mức độ hiểu bài và kịp thời điều chỉnh phương pháp học.

Ngoài ra, AI Mentor còn có khả năng đề xuất lộ trình học tập phù hợp với năng lực cá nhân, góp phần

cá nhân hóa quá trình học tập. Khả năng phản hồi tức thì và hỗ trợ liên tục giúp sinh viên có thể học tập mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với xu hướng học tập kết hợp và học tập trực tuyến hiện nay.

2.3. Vai trò của AI Mentor trong phát triển năng lực tự học môn Giáo dục chính trị

Việc ứng dụng AI Mentor có tác động tích cực đến nhiều thành tố của năng lực tự học.

Trước hết, AI Mentor hỗ trợ sinh viên định hướng mục tiêu và lập kế hoạch học tập. Thông qua việc phân tích nhu cầu và trình độ của người học, hệ thống có thể gợi ý các mục tiêu cụ thể cho từng nội dung học, đồng thời đề xuất lộ trình học tập phù hợp. Điều này giúp sinh viên hình thành kỹ năng lập kế hoạch – một yếu tố quan trọng của năng lực tự học.

Bên cạnh đó, AI Mentor góp phần cá nhân hóa quá trình học tập. Mỗi sinh viên có trình độ và tốc độ học khác nhau, do đó việc điều chỉnh nội dung học phù hợp là rất cần thiết. AI Mentor có thể cung cấp nội dung ở nhiều mức độ khác nhau, giúp sinh viên tiếp cận kiến thức một cách hiệu quả.

Một vai trò quan trọng khác là hỗ trợ hiểu sâu kiến thức và phát triển tư duy phản biện. Thông qua việc giải thích đa chiều và đặt câu hỏi gợi mở, AI Mentor giúp sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn biết phân tích, đánh giá và hình thành quan điểm cá nhân.

Ngoài ra, AI Mentor cung cấp phản hồi tức thì, giúp sinh viên kịp thời nhận ra sai sót và điều chỉnh quá trình học tập. Điều này góp phần phát triển kỹ năng tự đánh giá và tự điều chỉnh – những thành tố cốt lõi của năng lực tự học.

AI Mentor cũng góp phần tăng hứng thú học tập, đặc biệt đối với các môn lý luận vốn được coi là khô khan. Việc tương tác linh hoạt và cá nhân hóa trải nghiệm học tập giúp sinh viên cảm thấy dễ tiếp cận và chủ động hơn.

AI Mentor còn hỗ trợ sinh viên nâng cao khả năng tự nghiên cứu và khai thác học liệu số. Thông qua việc hướng dẫn tìm kiếm thông tin, gợi ý tài liệu tham khảo và giải thích nội dung theo nhu cầu cá nhân, công cụ này giúp người học chủ động hơn trong quá trình tiếp cận tri thức. Việc thường xuyên tương tác với AI cũng góp phần hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ và thích ứng với môi trường học tập hiện đại.

Cuối cùng, việc sử dụng AI Mentor giúp sinh viên phát triển năng lực số và hình thành thói quen học tập suốt đời. Đây là những năng lực quan trọng trong bối cảnh xã hội tri thức hiện nay.

2.4. Một số yêu cầu khi ứng dụng AI Mentor trong dạy học môn Giáo dục chính trị

Để AI Mentor phát huy hiệu quả, việc ứng dụng cần được triển khai trên cơ sở định hướng sự phạm rõ ràng.

Trước hết, cần hướng dẫn sinh viên sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ, không phải là sự thay thế hoàn toàn cho hoạt động tự học. Sinh viên cần được trang bị kỹ năng đặt câu hỏi, khai thác thông tin và kiểm chứng kết quả.

Thứ hai, cần đảm bảo các nguyên tắc về đạo đức học thuật. Việc sử dụng AI phải gắn với ý thức trung thực, tránh sao chép hoặc lạm dụng công cụ.

Thứ ba, vai trò của giảng viên cần được phát huy. Giảng viên không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người định hướng, kiểm soát và thiết kế hoạt động học tập.

Cuối cùng, cần kết hợp ứng dụng AI với các hoạt động thảo luận, trao đổi trực tiếp trên lớp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2.5. Định hướng vận dụng AI Mentor trong dạy học môn Giáo dục chính trị

Việc vận dụng AI Mentor trong dạy học môn Giáo dục chính trị cần được triển khai trên cơ sở định hướng sự phạm rõ ràng nhằm phát huy vai trò hỗ trợ học tập và phát triển năng lực tự học của sinh viên. Trước hết, cần tích hợp AI Mentor vào quá trình tổ chức dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, trong đó sinh viên được khuyến khích sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ tìm hiểu kiến thức, giải thích các khái niệm lý luận và mở rộng nội dung học tập. Điều này góp phần hình thành thói quen tự học và nâng cao khả năng tiếp cận tri thức một cách chủ động.

Bên cạnh đó, việc sử dụng AI Mentor cần gắn với các hoạt động học tập tích cực trên lớp như thảo luận, trao đổi và phản biện. Giảng viên đóng vai trò định hướng, tổ chức và kiểm soát quá trình học tập, đồng thời hướng dẫn sinh viên phân tích, đánh giá và lựa chọn thông tin do AI cung cấp. Qua đó, không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn góp phần phát triển tư duy phản biện và năng lực xử lý thông tin của người học.

Ngoài ra, AI Mentor có thể được vận dụng trong quá trình tự học ngoài giờ lên lớp nhằm hỗ trợ sinh viên ôn tập, hệ thống hóa kiến thức và tự đánh giá mức độ hiểu bài. Việc khai thác hiệu quả công cụ này giúp người học hình thành kỹ năng tự điều chỉnh hoạt động học tập, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực tự học trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Tuy nhiên, để AI Mentor phát huy hiệu quả, cần chú trọng đến việc trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng công cụ một cách hợp lý, đặc biệt là kỹ năng đặt

câu hỏi, kiểm chứng thông tin và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức học thuật. Đồng thời, cần có sự kết hợp hài hòa giữa ứng dụng công nghệ và các phương pháp dạy học truyền thống nhằm bảo đảm tính toàn diện trong phát triển năng lực của người học.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc phát triển năng lực tự học cho sinh viên là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Đối với môn Giáo dục chính trị, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết do đặc thù nội dung mang tính lý luận, trừu tượng và đòi hỏi năng lực tư duy cao của người học.

AI Mentor, với vai trò là công cụ hỗ trợ học tập thông minh, đã và đang mở ra những khả năng mới trong việc đổi mới phương pháp dạy học. Thông qua khả năng cá nhân hóa nội dung, cung cấp phản hồi tức thì và hỗ trợ phát triển tư duy phản biện, AI Mentor góp phần quan trọng trong việc nâng cao tính chủ động, khả năng tự điều chỉnh và hiệu quả tự học của sinh viên.

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn, có thể khẳng định việc vận dụng AI Mentor trong dạy học môn Giáo dục chính trị là một hướng tiếp cận phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại. Tuy nhiên, để công cụ này phát huy hiệu quả, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ và định hướng sự phạm, giữa vai trò của giảng viên và tính chủ động của người học, đồng thời bảo đảm các nguyên tắc về đạo đức học thuật trong sử dụng AI.

Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục, đồng thời đề xuất các định hướng có ý nghĩa thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn Giáo dục chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030*.
- [2]. Trà Ngọc Đức (2024), Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy đại học, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 313(2), 45–48.
- [3]. Phạm Minh Hạc (2016), *Giáo dục Việt Nam trước yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [4]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2018), Phát triển năng lực tự học của sinh viên, *Tạp chí Giáo dục*, 432, 12–15.
- [5]. Trần Quang Thuận, Đặng Quốc Phong, & Nguyễn Văn Toại (2024), Ứng dụng AI trong giáo dục tại Việt Nam, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 315(2), 33.